

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRƯỜNG ĐH KH&NV
PHÒNG ĐÀO TẠO
12 Đinh Tiên Hoàng Q. 1-8221909



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHOA CÔNG TÁC XÃ HỘI

(ÁP DỤNG CHO KHÓA 2021 - 2022)

TP. HỒ CHÍ MINH, 1- 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: **Công tác xã hội**

+ Tiếng Anh: Social Work

- Mã ngành đào tạo: 776.01.01

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân

+ Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Social work

- Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.



2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành và kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội, giúp sinh viên có phương pháp tư duy khoa học, có phẩm chất đạo đức, có năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.

b. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có đủ phẩm chất và năng lực sau:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1. Kiến thức chung về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, xã hội – nhân văn và con người.

1.2. Hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản ngành Công tác xã hội

2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

2.1. Người học có: đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, sức khỏe, có tinh thần say mê, yêu nghề.

2.2. Người học có các kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội và phát triển cộng đồng.

3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1. Người học có các kỹ năng cá nhân một cách thành thục

3.2. Có các kỹ năng để có thể chung sống và làm việc tích cực với người khác

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1. Người học sẽ trở thành những nhân viên công tác xã hội (CTXH) có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, có khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề trong quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người.

4.2. Có năng lực tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng thực hành dựa trên nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực ¹
1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Kiến thức chung về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, xã hội – nhân văn và con người.	
1.1.1	Giải thích (Explain) và ứng dụng (Apply) chủ trương, đường lối chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam trong công việc cụ thể được giao.	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia
1.1.2	Mô tả (Describe) được những kiến thức chung trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, lịch sử, dân tộc học, môi trường.	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia;
1.1.3	Giải thích (Explain) được các kiến thức quản lý, điều hành, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.	3.0 -> 3.5: có khả năng ứng dụng;
1.1.4	Tổng quát hoá (generalize) các kiến thức về tâm lý học, khoa học phân tích hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
1.2	Hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản ngành Công tác xã hội	
1.2.1	Giải thích (Explain) và ứng dụng (Apply) được các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về công tác xã hội (tư tưởng và quan điểm lý thuyết CTXH, phương pháp nghiên cứu trong CTXH,...)	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
1.2.2	Tổng quát hoá (Generalize) được nhu cầu và đặc điểm về các nhóm nhu cầu chính trong công tác xã hội ở bối cảnh Việt Nam giai đoạn hiện nay.	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
1.2.3	Giải thích (Explain) được kiến thức và kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội.	3.5-> 4.0: có khả năng phân tích;
1.2.4	Tổng kết hoá (Generalize) được các kiến thức nền tảng về các lĩnh vực ứng dụng quan trọng nhất thuộc ngành công tác xã hội như sức khoẻ tâm thần, người khuyết tật, phụ nữ yếu thế, trẻ em và thanh thiếu niên yếu thế, tiếp cận dịch vụ y tế, tội phạm ...	3.5-> 4.0: có khả năng phân tích;
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	Người học có: đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, sức khoẻ, tinh thần say mê, yêu nghề.	
2.1.1	Xác định (Identify) ý thức phục vụ cộng đồng, có sức khoẻ, có tinh thần say mê, yêu nghề.	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia;

¹ Theo Thang trình độ năng lực: 0.0 ->2.0: có biết/ có nghe qua; 2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia; 3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng; 3.5-> 4.0: có khả năng phân tích; 4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp; 4.5->5.0: có khả năng đánh giá.

2.1.2	Giải thích (Explain) các tiêu chuẩn đạo đức của nghề công tác xã hội.	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
2.1.3	Thực hành (Practice) theo tiêu chuẩn đạo đức nghề công tác xã hội; chấp nhận và tôn trọng thân chủ; hành động theo đúng chuẩn mực nghề nghiệp; thực hiện công bằng xã hội.	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
2.1.4	Ứng dụng (Apply) kiến thức chuyên môn để tham gia các hoạt động liên quan đến công tác xã hội trong cộng đồng.	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
2.2	Ứng dụng (Apply) các kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội và phát triển cộng đồng.	
2.2.1	Thực hành (Practice) được các kỹ năng như tiếp cận, tiếp nhận và tiến trình trong công tác xã hội với cá nhân, nhóm, phát triển cộng đồng.	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
2.2.2	Lên kế hoạch (plan) được đề cương của một dự án xã hội và giải thích được cách thức quản lý dự án Công tác xã hội.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
2.2.3	Biên soạn (compile) được công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu CTXH theo phương pháp định lượng và thông tin định tính	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
2.2.4	Giải quyết (solve) được những tình huống khi đi thực tế, thực hành và tập sự nghề trên thực địa.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1	Người học có các kỹ năng cá nhân một cách thành thực	
3.1.1	Thực hành được (Practice) kỹ năng tự nhận thức bản thân và tư duy phản biện.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3.1.2	Lên kế hoạch (plan) công việc khoa học hợp lý.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3.1.3	Quản lý (manage) thích ứng với sự thay đổi trong môi trường đa văn hoá.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3.1.4	Tạo ra (generate) các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3.2	Có các kỹ năng để có thể chung sống và làm việc tích cực với người khác	
3.2.1	Sử dụng (use) các kỹ năng làm việc nhóm như xây dựng, điều hành nhóm hiệu quả, liên kết được các thành viên của nhóm.	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
3.2.2	Sử dụng (use) các kỹ năng giao tiếp tốt như có khả năng lắng nghe, thấu cảm, trình bày thuyết trình lưu loát, trao đổi, chia sẻ với người khác. Có khả năng giao tiếp được	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;

	bằng văn bản, qua thư điện tử/ hoặc các phương tiện truyền thông khác.	
3.2.3	Sử dụng (Use) các kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành, có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường, có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn (chuẩn ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG – HCM).	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
3.2.4	Sử dụng (use) tin học văn phòng	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
4	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1	Người học sẽ trở thành những nhân viên công tác xã hội (CTXH) có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, có khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề trong quan hệ xã hội và nâng cao năng lực con người.	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
4.1.1	Khám phá (discover) và giải quyết (solve) những vấn đề xã hội và nâng cao năng lực con người.	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
4.1.2	Ứng dụng (apply) lồng ghép tính đa dạng và khác biệt vào thực hành	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
4.1.3	Thực hành (Practice) thúc đẩy sự công bằng xã hội và kinh tế	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
4.1.4	Ứng dụng (Apply) kiến thức về hành vi con người và môi trường xã hội	4.0 -> 4.5: có khả năng tổng hợp;
4.1.5	Ứng dụng (Apply) kiến thức chuyên ngành vào việc tham gia các hoạt động vận động chính sách để thúc đẩy an sinh xã hội và kinh tế, nâng cao chất lượng dịch vụ công tác xã hội	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
4.1.6	Phân tích (Analyze) sự ảnh hưởng của hoàn cảnh tới thực hành công tác xã hội	4.5->5.0: có khả năng đánh giá.
4.1.7	Đánh giá (assess), thực hành (practice), và lượng giá (evaluate) kết quả với cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức, và cộng đồng	3.0-> 3.5: có khả năng ứng dụng;
4.2	Có năng lực tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng thực hành dựa trên nghiên cứu khoa học	
4.2.1	Giải thích làm sáng tỏ (interpret) trên cơ sở tư duy khoa	3.5-> 4.0: có khả

	học và thực hiện nghiên cứu khoa học.	năng phân tích;
4.2.2	Ứng dụng (Apply) tri thức khoa học vào thực tiễn hoạt động CTXH ở Việt Nam.	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia;
4.2.3	Thiết kế (Design) các chương trình, dự án CTXH tại các địa phương góp phần ổn định xã hội và phát triển bền vững, giải quyết những vấn đề xã hội, đẩy lùi tệ nạn xã hội và thực hiện công bằng xã hội tại các tỉnh phía Nam và cả nước.	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia;
4.2.4	Thực hành (Practice) dựa trên nghiên cứu và nghiên cứu dựa trên thực hành	2.0 -> 3.0: có hiểu biết/ có thể tham gia;

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo:

Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/4/2017 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Quyết định số 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14/7/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Điều kiện tốt nghiệp (theo Khoản 1, Điều 30 tại Quyết định số 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14/7/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học):

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định.

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 5,0 trở lên.

d. Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học.

đ. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất.

e. Hoàn tất nghĩa vụ học phí và không nợ tài liệu thư viện.

g. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp.

5. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần (được quy định tại Điều 25 của Quyết định số 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14/7/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học).

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10 điểm), làm tròn đến 0,5.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến 0,5 và được quy đổi như sau:

a. Loại đạt

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 9,0 – 10	A ⁺	4	Xuất sắc
2	Từ 8,5 đến dưới 9	A	3,7	Giỏi
3	Từ 8,0 – đến dưới 8,5	B ⁺	3,5	
4	Từ 7,0 đến dưới 8,0	B	3	Khá
5	Từ 6,0 đến dưới 7,0	C ⁺	2,5	Trung bình khá
6	Từ 5,5 đến dưới 6,0	C	2	Trung bình
7	Từ 5,0 đến dưới 5,5	D ⁺	1,5	

b. Loại không đạt

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
1	Từ 4,0 đến dưới 5,0	D	1	Yếu
2	Dưới 4,0	F	0	Kém

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bố kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại học	30	25,0
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	21	16,7
III	Kiến thức chuyên ngành	47	40,0
IV	Kiến thức bổ trợ	6	5,0
V	Thực tập tốt nghiệp	16	13,3
		120	100

7. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	
I	Kiến thức giáo dục đại cương (30 TC = 25 TC bắt buộc + 5TC tự chọn)							
1	DAI005	Social statistics	Thống kê xã hội	Bắt buộc	2	2	0	
2	DAI006	Environmental and developmental Studies	Môi trường và phát triển	Bắt buộc	2	2	0	
3	DAI012	The Basis of Vietnamese Culture	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0	
4	DAI015	Practice of Vietnamese Textual Documents	Thực hành văn bản tiếng Việt	Bắt buộc	2	1	1	
5	DAI016	History of World Civilization	Lịch sử văn minh thế giới	Tự chọn	3	3	0	
6	DAI020	Introduction to Logics	Logic học đại cương	Tự chọn	2	1	1	
7	DAI021	Introduction to Sociology	Xã hội học đại cương	Bắt buộc	2	2	0	
8	DAI022	Introduction to Psychology	Tâm lý học đại cương	Bắt buộc	2	2	0	
9	DAI023	Introduction to anthropology	Nhân học đại cương	Tự chọn	2	2	0	
10	DAI024	Introduction to Law	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2	2	0	
11	DAI025	Introduction to Aesthetics	Mỹ học đại cương	Tự chọn	2	2	0	
12	DAI026	Introduction to economics	Kinh tế học đại cương	Tự chọn	2	2	0	
13	DAI028	Introduction to politics	Chính trị học đại cương	Tự chọn	2	2	0	
14	DAI029	Introduction to Religious Studies	Tôn giáo học đại cương	Tự chọn	2	2	0	
15	DAI033	Research Methods in	Phương pháp nghiên cứu	Tự chọn	2	1	1	

		Scientific	khoa học					
16	DAI047	Marxist - Leninist philosophy	Triết học Mác – Lênin	Bắt buộc	3	3	0	
17	AI048	Marxist-Leninist political economics	Kinh tế chính trị Mác – LêNin	Bắt buộc	2	2	0	
18	DAI049	Introduction to scientific socialism	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	2	0	
19	DAI050	Communist Party History	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0	
20	DAI051	Ho Chi Minh political thought	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	2	0	
II	Kiến thức cơ sở ngành (21 TC = 17 TC bắt buộc + 4 TC tự chọn)							
21	CXH003.2	Introduction to Social Work	Công tác xã hội đại cương	Bắt buộc	3	2	1	
22	CXH017	The Marriage and Family Law	Luật Hôn nhân và gia đình	Tự chọn	2	2	0	
23	CXH018	Labor law	Luật Lao động	Tự chọn	2	2	0	
24	CXH019	Development studies	Phát triển học	Tự chọn	2	2	0	
25	CXH020.2	Research Methods for Social Work	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	Bắt buộc	3	2	1	
26	CXH025	Child's Rights	Quyền trẻ em	Tự chọn	2	2	0	
27	CXH026	Public Health	Sức khỏe cộng đồng	Tự chọn	2	1	1	
28	CXH027	Psychiatry	Tâm thần học	Tự chọn	2	2	0	
29	GDH070.1	Developmental Psychology	Tâm lý học phát triển	Tự chọn	2	1	1	
30	CXH040	Criminology	Tội phạm học	Tự chọn	2	2	0	
31	CXH042	Human Behaviors and Social Environment	Hành vi con người và môi trường xã hội	Bắt buộc	2	2	0	
32	CXH043	Basic skills in organization and community development	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng	Bắt buộc	2	1	1	

			đồng.					
33	CXH044	Introduction to Community Development	Nhập môn Phát triển cộng đồng	Bắt buộc	2	1	1	
34	CXH046	Social Work Theories	Lý thuyết CTXH	Bắt buộc	2	2	0	
35	CXH052	Personality Psychology	Tâm lý học nhân cách	Tự chọn	2	2	0	
36	CXH055	Gender in Social Work	Giới trong Công tác xã hội	Tự chọn	2	1	1	
37	CXH056	Statistic Package For Social Science.	Phân tích dữ liệu nghiên cứu (Tên cũ: Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS)	Tự chọn	2	1	1	
38	TLH034	Social Psychology	Tâm lý học xã hội	Bắt buộc	3	3	0	
39	XHH002.1	Social Policy	Chính sách xã hội	Tự chọn	2	2	0	
III	Kiến thức chuyên ngành (47 TC = 37 TC bắt buộc + 10 TC tự chọn)							
40	CXH001.1	Social Welfare and Social Issues	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	Bắt buộc	3	3	0	
41	CXH002.1	Social Problems in Urban and Rural regions	Các vấn đề xã hội đô thị và nông thôn	Tự chọn	2	2	0	
42	CXH004	Social Work in the Field of Justice	CTXH trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	Tự chọn	2	2	0	
43	CXH005	Social Work in Mental Health	CTXH trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần	Tự chọn	2	1	1	
44	CXH006	Social Work in the School	CTXH trong trường học	Bắt buộc	2	2	0	
45	CXH007	Social Work Practice with Individuals	Công tác xã hội cá nhân	Bắt buộc	4	4	0	
46	CXH008	Social Work in Labour Zones	CTXH với các khu lao động	Tự chọn	2	2	0	
47	CXH009.1	Social Work with Families and Children	CTXH với gia đình và trẻ em	Bắt buộc	2	1	1	

48	CXH010	Social Work with Elderly	CTXH với người cao tuổi	Tự chọn	2	2	0	
49	CXH011	Social Work with Disability	CTXH với người khuyết tật	Tự chọn	2	2	0	
50	CXH012	Social Work with People with HIV/AIDS	CTXH với người nhiễm HIV/AIDS	Tự chọn	2	1	1	
51	CXH013	Social Work with Group	Công tác xã hội nhóm	Bắt buộc	4	4	0	
52	CXH015	Medical Social Work	CTXH y tế - bệnh viện	Tự chọn	2	1	1	
53	CXH016	Social Services	Dịch vụ xã hội	Tự chọn	2	2	0	
54	CXH023.2	Case Management	Quản lý trường hợp	Tự chọn	2	1	1	
55	CXH024	Social Work Administration	Quản trị ngành CTXH	Tự chọn	3	3	0	
56	CXH028	Psychology Counseling	Tham vấn	Bắt buộc	4	4	0	
57	CXH035	English for Social work 1	Tiếng Anh chuyên ngành I	Bắt buộc	2	1	1	
58	CXH036	English for Social work 2	Tiếng Anh chuyên ngành II	Bắt buộc	2	1	1	
59	CXH039	Community Organizing and Development	Tổ chức và phát triển cộng đồng	Bắt buộc	4	4	0	
60	CXH045	Community economic development	Phát triển kinh tế cộng đồng	Bắt buộc	2	2	0	
61	CXH046.1	Community-based resource and environment management	Quản lý môi trường và tài nguyên dựa vào cộng đồng	Tự chọn	3	3	0	
62	CXH047	Community-based disaster management	Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng	Tự chọn	3	3	0	
63	CXH048	Community Development Practice	Thực hành phát triển cộng đồng	Tự chọn	3	2	1	
64	CXH048.1	Social Work with LGBT's People	Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)	Bắt buộc	2	2	0	

65	CXH049	Community Organizing	Tổ chức cộng đồng	Tự chọn	3	3	0	
66	CXH049.1	Project Design and Management	Thiết kế và quản lý dự án CTXH	Tự chọn	2	1	1	
67	CXH053	Psychological Counseling 2	Tham vấn 2	Bắt buộc	2	1	1	
68	CXH053.1	Economic and Social Development Policy	Chính sách phát triển kinh tế xã hội	Tự chọn	2	2	0	
69	CXH054	Development of Minority Communities	Phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số	Tự chọn	2	2	0	
70	CXH055	Practice psychological counseling	Thực hành tham vấn tâm lý	Tự chọn	3	2	1	
71	CXH056	Counselling for Adolescent	Tham vấn thanh thiếu niên	Tự chọn	2	1	1	
72	CXH057	Career Counseling for Individuals with Disabilities	Tham vấn cho người khuyết tật.	Tự chọn	2	1	1	
73	CXH058	Career Counseling	Tham vấn hướng nghiệp	Tự chọn	2	1	1	
74	CXH059	Community development in Vietnam	Phát triển cộng đồng ở Việt Nam	Tự chọn	3	2	1	
75	CXH060	Psychological assessment	Khoa học chẩn đoán tâm lý	Bắt buộc	2	2	0	
76	CXH061	Psychopathology	Tâm bệnh học	Tự chọn	2	2	0	
77	CXH062	School Counseling	Tham vấn học đường	Bắt buộc	2	1	1	
78	CXH022	Stress Management for Social Workers	Quản lý Stress với nhân viên Công tác xã hội	Tự chọn	2	2	0	
IV	Kiến thức bổ trợ (6 TC = 4 TC bắt buộc + 2 TC Tự chọn)							
79	CXH031.1	Practical support community capacity building 1	Thực hành hỗ trợ Nâng cao năng lực CĐ 1	Bắt buộc	2	1	1	
80	CXH037.1	Critical thinking	Tư duy phản biện (Tên cũ: Tiếng Anh chuyên ngành III)	Bắt buộc	2	1	1	

81	XHH043	Communication skills	Kỹ năng truyền thông và giao tiếp	Tự chọn	2	2	0	
82	DUL014	The art of etiquette	Giao tiếp và lễ tân đối ngoại	Tự chọn	2	2	0	
83	DAI041	Public Relations	Nhập môn quan hệ công chúng	Tự chọn	2	2	0	
84	DAI044	Secretarial Skills	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	Tự chọn	2	2	0	
85	GDH004	Introduction to Scientific Management	Đại cương khoa học quản lý	Tự chọn	2	2	0	
V	Thực tập tốt nghiệp (16 TC bắt buộc)							
86	CXH050	Practicum I (Community Service learning)	Thực tập I (Học tập dựa vào cộng đồng)	Bắt buộc	2	0	2	
87	CXH051	Practicum II (Community development Practicum)	Thực tập II (Thực tập phát triển cộng đồng)	Bắt buộc	3	0	3	
88	CXH030.0	Practicum III (Working with individuals and groups)	Thực tập III (Thực tập với cá nhân và nhóm)	Bắt buộc	3	0	3	
89	CXH030.2	Professional practicum	Thực tập tốt nghiệp (Thực tập nghề)	Bắt buộc	8	0	8	
Tổng số (tín chỉ)					120	99	21	

8. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Có khả năng liên thông với các chương trình đào tạo:

- Tâm lý học
- Tâm lý học giáo dục
- Giáo dục học
- Xã hội học

9. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng kỳ)

Học kỳ	TT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)	Ghi chú
			Tiếng Anh	Tiếng Việt		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm		
Học kỳ I (Tổng 15 TC = 13TC bắt buộc + 2 TC Tự chọn)	1	CXH003.2	Introduction to Social Work	Công tác xã hội đại cương	Bắt buộc	3	2	1		
	2	DAI006	Environmental and developmental Studies	Môi trường và phát triển	Bắt buộc	2	2	0		
	3	DAI012	The Basis of Vietnamese Culture	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0		
	4	DAI016	History of World Civilization	Lịch sử văn minh thế giới	Tự chọn	3	3	0		
	5	DAI021	Introduction to Sociology	Xã hội học đại cương	Bắt buộc	2	2	0		
	6	DAI022	Introduction to Psychology	Tâm lý học đại cương	Bắt buộc	2	2	0		
	7	DAI023	Introduction to anthropology	Nhân học đại cương	Tự chọn	2	2	0		
	8	DAI026	Introduction to economics	Kinh tế học đại cương	Tự chọn	2	2	0		
	9	DAI028	Introduction to Politics	Chính trị học đại cương	Tự chọn	2	2	0		
	10	DAI048	Marxist-Leninist political economics	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bắt buộc	2	2	0		
Học	1	DAI005	Social statistics	Thống kê xã hội	Bắt buộc	2	2	0		
	2	DAI020	Introduction to Logics	Logic học đại cương	Tự chọn	2	1	1		

kỳ II (Tổng 15TC = 12 TC bắt buộc + 3 TC tự chọn)	3	DAI024	Introduction to Law	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2	2	0			
	4	DAI025	Introduction to Aesthetics	Mỹ học đại cương	Tự chọn	2	2	0			
	5	DAI029	Introduction to Religious Studies	Tôn giáo học đại cương	Tự chọn	2	2	0			
	6	DAI033	Research Methods in Scientific	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tự chọn	2	1	1			
	7	DAI047	Marxist - Leninist philosophy	Triết học Mác - Lênin	Bắt buộc	3	3	0			
	8	DAI049	Introduction to scientific socialism	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	2	0			
	9	DAI050	Communist Party History	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0			
	10	DAI051	Ho Chi Minh political thought	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	2	0			
	Học kỳ III (Tổng 16TC = 14 TC bắt buộc + 2)	1	CXH017	The Marriage and Family Law	Luật Hôn nhân và gia đình	Tự chọn	2	2	0		
		2	CXH018	Labor law	Luật Lao động	Tự chọn	2	2	0		
3		CXH019	Development studies	Phát triển học	Tự chọn	2	2	0			
4		CXH020.2	Research Methods for Social Work	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	Bắt buộc	3	2	1			
5		CXH026	Public Health	Sức khỏe cộng đồng	Tự chọn	2	1	1			
6		CXH031.1	Practical support community capacity building 1	Thực hành hỗ trợ Nâng cao năng lực CĐ 1	Bắt buộc	2	1	1			
7		CXH035	English for Social work	Tiếng Anh chuyên	Bắt buộc	2	1	1			

TC tự chọn)			1	ngành I						
	8	CXH042	Human Behaviors and Social Environment	Hành vi con người và môi trường xã hội	Bắt buộc	2	2	0		
	9	CXH055	Gender in Social Work	Giới trong Công tác xã hội	Tự chọn	2	1	1		
	10	CXH056	Statistic Package for Social Science.	Phân tích dữ liệu nghiên cứu (Tên cũ: Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS)	Tự chọn	2	1	1		
	11	GDH070.1	Developmental Psychology	Tâm lý học phát triển	Tự chọn	2	1	1		
	12	TLH034	Social Psychology	Tâm lý học xã hội	Bắt buộc	3	3	0		
	13	DAI015	Practice of Vietnamese Textual Documents	Thực hành văn bản tiếng Việt	Bắt buộc	2	1	1		
Học kỳ IV (Tổng 14TC = 12 TC bắt buộc + 2	1	CXH002.1	Social Problems in Urban and Rural regions	Các vấn đề xã hội đô thị và nông thôn	Tự chọn	2	2	0		
	2	CXH007	Social Work Practice with Individuals	Công tác xã hội cá nhân	Bắt buộc	4	4	0		
	3	CXH008	Social Work in Labour Zones	CTXH với các khu lao động	Tự chọn	2	2	0		
	4	CXH010	Social Work with Elderly	CTXH với người cao tuổi	Tự chọn	2	2	0		
	5	CXH043	Basic skills in organization and community development	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng.	Bắt buộc	2	1	1		

TC tự chọn)	6	CXH044	Introduction to Community Development	Nhập môn Phát triển cộng đồng	Bắt buộc	2	1	1		
	7	CXH046	Social Work Theories	Lý thuyết CTXH	Bắt buộc	2	2	0		
	8	CXH049.1	Project Design and Management	Thiết kế và quản lý dự án CTXH	Tự chọn	2	1	1		
	9	CXH050	Practicum I (Community Service learning)	Thực tập I (Học tập dựa vào cộng đồng)	Bắt buộc	2	0	2		
	10	CXH057	Career Counseling for Individuals with Disabilities	Tham vấn cho người khuyết tật.	Tự chọn	2	1	1		
	11	CXH058	Career Counseling	Tham vấn hướng nghiệp	Tự chọn	2	1	1		
	12	XHH002.1	Social Policy	Chính sách xã hội	Tự chọn	2	2	0		
Học kỳ V (Tổng 16TC = 12TC bắt buộc + 4 TC tự chọn)	1	CXH001.1	Social Welfare and Social Issues	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	Bắt buộc	3	3	0		
	2	CXH004	Social Work in the Field of Justice	CTXH trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	Tự chọn	2	2	0		
	3	CXH006	Social Work in the School	CTXH trong trường học	Bắt buộc	2	2	0		
	4	CXH012	Social Work with People with HIV/AIDS	CTXH với người nhiễm HIV/AIDS	Tự chọn	2	1	1		
	5	CXH013	Social Work with Group	Công tác xã hội nhóm	Bắt buộc	4	4	0		
	6	CXH015	Medical Social Work	CTXH y tế - bệnh viện	Tự chọn	2	1	1		
	7	CXH016	Social Services	Dịch vụ xã hội	Tự chọn	2	2	0		

	8	CXH023.2	Case Management	Quản lý trường hợp	Tự chọn	2	1	1		
	9	CXH024	Social Work Administration	Quản trị ngành CTXH	Tự chọn	3	3	0		
	10	CXH027	Psychiatry	Tâm thần học	Tự chọn	2	2	0		
	11	CXH051	Practicum II (Community development Practicum)	Thực tập II (Thực tập phát triển cộng đồng)	Bắt buộc	3	0	3		
	12	CXH052	Personality Psychology	Tâm lý học nhân cách	Tự chọn	2	2	0		
	13	CXH056	Counselling for Adolescent	Tham vấn thanh thiếu niên	Tự chọn	2	1	1		
Học kỳ VI (Tổng 16TC = 12TC bắt buộc + 4TC tự chọn)	1	CXH005	Social Work in Mental Health	CTXH trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần	Tự chọn	2	1	1		
	2	CXH009.1	Social Work with Families and Children	CTXH với gia đình và trẻ em	Bắt buộc	2	1	1		
	3	CXH011	Social Work with Disability	CTXH với người khuyết tật	Tự chọn	2	2	0		
	4	CXH022	Stress Management for Social Workers	Quản lý Stress với nhân viên Công tác xã hội	Tự chọn	2	2	0		
	5	CXH025	Child's Rights	Quyền trẻ em	Tự chọn	2	2	0		
	6	CXH028	Psychology Counseling	Tham vấn	Bắt buộc	4	4	0		
	7	CXH036	English for Social work 2	Tiếng Anh chuyên ngành II	Bắt buộc	2	1	1		
	8	CXH040	Criminology	Tội phạm học	Tự chọn	2	2	0		
	9	CXH045	Community economic development	Phát triển kinh tế cộng đồng	Bắt buộc	2	2	0		

	10	CXH048.1	Social Work with LGBT's People	Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyên giới (LGBT)	Bắt buộc	2	2	0		
	11	CXH046.1	Community-based resource environment management and	Quản lý môi trường và tài nguyên dựa vào cộng đồng	Tự chọn	3	3	0		
	12	CXH047	Community-based disaster management	Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng	Tự chọn	3	3	0		
Học kỳ VII (Tổng 17TC = 13TC bắt buộc + 4TC tự chọn)	1	CXH030.0	Practicum III (Working with individuals and groups)	Thực tập III (Thực tập với cá nhân và nhóm)	Bắt buộc	3	0	3		
	2	CXH037.1	Critical thinking	Tư duy phân biện (Tên cũ: Tiếng Anh chuyên ngành III)	Bắt buộc	2	1	1		
	3	CXH039	Community Organizing and Development	Tổ chức và phát triển cộng đồng	Bắt buộc	4	4	0		
	4	CXH048	Community Development Practice	Thực hành phát triển cộng đồng	Tự chọn	3	2	1		
	5	CXH049	Community Organizing	Tổ chức cộng đồng	Tự chọn	3	3	0		
	6	CXH053	Psychological Counseling 2	Tham vấn 2	Bắt buộc	2	1	1		
	7	CXH053.1	Economic and Social Development Policy	Chính sách phát triển kinh tế xã hội	Tự chọn	2	2	0		
	8	CXH054	Development of Minority Communities	Phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số	Tự chọn	2	2	0		
	9	CXH055	Practice psychological	Thực hành tham	Tự chọn	3	2	1		

			counseling	vấn tâm lý							
	10	CXH059	Community development in Vietnam	Phát triển cộng đồng ở Việt Nam	Tự chọn	3	2	1			
	11	CXH060	Psychological assessment	Khoa học chẩn đoán tâm lý	Bắt buộc	2	2	0			
Học kỳ VIII (Tổng 12TC = 10TC bắt buộc + 2 TC tự chọn)	1	CXH030.2	Professional practicum	Thực tập tốt nghiệp (Thực tập nghề)	Bắt buộc	8	0	8			
	2	XHH043	Communication skills	Kỹ năng truyền thông và giao tiếp	Tự chọn	2	2	0			
	3	CXH061	Psychopathology	Tâm bệnh học	Tự chọn	2	2	0			
	4	CXH062	School Counseling	Tham vấn học đường	Bắt buộc	2	1	1			
	5	DUL014	The art of etiquette	Giao tiếp và lễ tân đối ngoại	Tự chọn	2	2	0			
	6	DAI041	Public Relations	Nhập môn quan hệ công chúng	Tự chọn	2	2	0			
	7	DAI044	Secretarial Skills	Nghị vụ thư ký văn phòng	Tự chọn	2	2	0			
	8	GDH004	Introduction to Scientific Management	Đại cương khoa học quản lý	Tự chọn	2	2	0			
		Tổng số (tín chỉ)					120	99	21		

10. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo).

21. Công tác xã hội đại cương - Introduction to Social Work (CXH003.2)

- Số tín chỉ: 3 TC (2 LT, 1 TH); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Công tác xã hội đại cương là học phần mang tính nền tảng, cung cấp những nội dung cơ bản giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về lịch sử hình thành và phát triển ngành công tác xã hội; cơ sở khoa học của ngành; đối tượng, chức năng và hệ thống các khái niệm cơ bản được sử dụng trong chuyên ngành công tác xã hội.

Học phần cũng giới thiệu một số phương pháp chính trong công tác xã hội; các lĩnh vực áp dụng và quy điều đạo đức của nhân viên xã hội

22. Luật Hôn nhân và gia đình - The Marriage and Family Law (CXH017)

- Số tín chỉ: 02 TC (2 LT), 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Việt Nam đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát và chuyên sâu về hệ thống các quy tắc điều chỉnh các quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình: khái niệm gia đình, sự phát triển của mô hình gia đình Việt Nam qua các thời đại và của pháp luật về gia đình, khái niệm hôn nhân, lịch sử chế định hôn nhân trong luật Việt Nam, điều kiện-thủ tục-chế tài của việc hôn nhân theo luật, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, vấn đề ly hôn...

Học phần Luật Hôn nhân và gia đình 1 cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến mối quan hệ gia đình (Kết hôn, quan hệ gia đình, ly hôn, cấp dưỡng khi ly hôn, cấp dưỡng khi thành viên gia đình gặp khó khăn...).

23. Luật Lao động - Labor law (CXH018)

- Số tín chỉ: 2TC (2 LT), 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Xã hội học đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Trình bày bộ luật Lao động gồm 17 chương với 198 điều khoản, trong đó tập trung giới thiệu các chương, điều, mục có liên quan đến nhóm dễ bị tổn thương. Chú ý đến yếu tố quản lý nhà nước về lao động và các quy định xử phạt vi phạm pháp luật lao động

24. Phát triển học - Development studies (CXH019)

- Số tín chỉ: 2TC (2LT), 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Phát triển học gồm phần lý thuyết và phần quan sát nhận định tình hình và thực trạng cuộc sống. Phần lý thuyết gồm hai chương giới thiệu các khái niệm cơ bản về phát triển, các lý thuyết và mô hình phát triển khác nhau trên thế giới đã và đang được thực hiện.

Trong phần quan sát nhận định tình hình và thực trạng cuộc sống, sinh viên được hướng dẫn làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để phân tích các vấn đề thời đại về

phát triển trong các nước thuộc thế giới thứ ba. Sinh viên cũng tìm hiểu và khảo sát vai trò, chức năng của các thành phần tác động đến phát triển.

25. Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội - Research Methods for Social Work (CXH020.2)

- Số tín chỉ: 03 TC (2LT, 1TH); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: công tác xã hội đại cương và lý thuyết công tác xã hội.

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội giúp sinh viên hiểu về phương pháp vừa trực tiếp vừa gián tiếp của công tác xã: công tác xã hội với cá nhân, công tác xã hội với nhóm, phát triển cộng đồng, nghiên cứu công tác xã hội, quản trị công tác xã hội và hành động xã hội trong việc nghiên cứu, áp dụng kiến thức và kỹ năng trong việc xây dựng kiến thức mới.

26. Quyền trẻ em - Child's Rights (CXH025)

- Số tín chỉ: 02 TC (2 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Việt Nam đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này là phần bổ trợ kiến thức cho việc thực hành kiến thức xã hội. Môn học đi vào đánh giá những vấn đề về quyền trẻ em đã được đề cập trong các công ước, các văn bản pháp luật của nhà nước.

27. Sức khỏe cộng đồng - Public Health (CXH026)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần giới thiệu chức năng và nhiệm vụ của nhân viên xã hội làm công tác sức khoẻ cộng đồng. Để thực hiện nhiệm vụ này học phần cung cấp các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết liên quan đến y học, quản lý y tế, khoa học hành vi, khoa học môi trường và công tác xã hội

28. Tâm thần học – Psychiatry (CXH027)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Hành vi con người và MTXH

- Mô tả nội dung môn học: Học phần tâm bệnh học trong CTXH không cung cấp những kiến thức và kỹ năng can thiệp lâm sàng chuyên sâu mà sẽ tập trung vào việc giúp cho người học nhận diện được loại bệnh tâm thần (rối loạn lo âu, rối loạn tâm trạng, rối loạn nhân cách, rối loạn ở trẻ em, người già, rối loạn ăn uống và ngủ...) và nguyên nhân gây bệnh (những nhân tố sinh học, tâm lý học và văn hóa - xã hội). Từ đó người học có thể áp dụng vào quá trình tham vấn, chăm sóc người bệnh cũng như giúp họ hòa nhập vào cuộc sống. Bên cạnh đó, người học cũng có thể chẩn đoán, đánh giá quá trình trị liệu để xem quá trình trị liệu can thiệp có giúp cho thân chủ duy trì được sức khỏe và nhu cầu của họ hay không.

29. Tâm lý học phát triển - Developmental Psychology (GDH070.1)

- Số tín chỉ: 2TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về TLH phát triển: thế nào là sự phát triển tâm lý, các giai đoạn phát triển tâm lý, những quy

luật của sự phát triển tâm lý, sự phát triển nhận thức, ngôn ngữ, trí tuệ, tình cảm, nhân cách. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của từng độ tuổi (bào thai, sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo, tiểu học, thiếu niên, thanh niên và người lớn). Nhờ những kiến thức thu được, sinh viên sẽ được hình thành thái độ đúng đắn với nghề nghiệp tương lai, đó là sự hứng thú quan sát, đạo đức nghề nghiệp và tính khách quan trong chẩn đoán, đánh giá quá trình phát triển tâm lý của cá nhân.

30. Tội phạm học – Criminology (CXH040)

- Số tín chỉ: 02 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Luật học đại cương, Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này giúp sinh viên nhận diện đối tượng phạm tội, những loại hình tội phạm, nguyên nhân phạm tội, cơ cấu tội phạm, hệ thống pháp lý, Biện pháp phòng ngừa, đấu tranh tội phạm.

31. Hành vi con người và môi trường xã hội- Human Behaviors and Social Environment (CXH042)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, TLH đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này cung cấp những kiến thức về các lãnh vực tâm sinh lý xã hội và hành vi của con người trong suốt quá trình phát triển. Nó cũng nêu bật những mối tương tác và ảnh hưởng qua lại giữa cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng trong môi trường sống của mình. Trên cơ sở đó, học phần còn chỉ ra những hành vi lệch chuẩn và vai trò của công tác xã hội trong vấn đề này

32. Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng- Basic skills in organization and community development (CXH043)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Nhập môn phát triển cộng đồng, Tổ chức cộng đồng

- Mô tả nội dung môn học: Học phần “Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng” được kết cấu gồm 6 phần chính là 6 kỹ năng cần thiết đối với một tác viên cộng đồng chuyên nghiệp. Các kỹ năng này bao gồm: kỹ năng lập hồ sơ cộng đồng, quy tụ người dân và tạo mạng lưới liên kết, khai thác nội lực cộng đồng, kỹ năng tăng năng lực cộng đồng, truyền thông cộng đồng, và quản lý mâu thuẫn. Mỗi phần nêu rõ tầm quan trọng của từng kỹ năng và cách thức thực hiện chúng trong cộng đồng.

33. Nhập môn Phát triển cộng đồng- Introduction to Community Development (CXH044)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Nhập môn phát triển cộng đồng gồm 4 phần chính. Phần thứ nhất giới thiệu các cơ sở nền tảng của phát triển cộng đồng như các khái niệm cơ bản, mục đích, nguyên tắc và quy tắc đạo đức của phát triển cộng đồng. Phần này cũng bao gồm các lý thuyết ứng dụng và mô hình phát triển dựa vào tài sản

cộng đồng. Phần thứ hai và ba phân tích kỹ tiến trình, và phương cách thực hiện phát triển cộng đồng. Phần bốn đề cập đến những vấn đề lớn tác động đến kết quả của công tác cộng đồng.

34. Lý thuyết C'TXH- Social Work Theories (CXH046)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương, tâm lý học đại cương, công tác xã hội đại cương.

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này cung cấp một số lý thuyết nền tảng thường sử dụng trong ngành công tác xã hội. Bên cạnh đó, học phần cũng nêu bật phương cách sử dụng các lý thuyết này trong việc đánh giá và lập kế hoạch can thiệp giải quyết các vấn đề của thân chủ.

35. Tâm lý học nhân cách -Personality Psychology (CXH052)

- Số tín chỉ: 2TC (2 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học đại cương, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học phát triển, Các lý thuyết phát triển tâm lý người*

- Mô tả nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhân cách (khái niệm, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, các thuộc tính phức hợp của nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách). Học phần cũng đề cập một số cách tiếp cận nhân cách theo những trường phái khác nhau. Từ đó, người học sẽ có cách nhìn nhận khoa học về nhân cách và sẽ góp phần vào việc hình thành nhân cách cho con người.

36. Giới trong Công tác xã hội -Gender in Social Work (CXH055)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: C'TXH đại cương và tâm lý học đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này trình bày tổng quát về giới trong công tác xã hội: các khái niệm về giới, phân biệt giới tính và giới, định kiến giới, bình đẳng giới, nhu cầu giới, vai trò giới, phân tích giới, giới trong các lĩnh vực cụ thể của công tác xã hội; và những vấn đề xã hội trong công tác xã hội liên quan đến giới. Nội dung học phần cũng giới thiệu công ước quốc tế và luật bình đẳng giới.

37. Phân tích dữ liệu nghiên cứu- Statistic Package for Social Science (CXH056)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Có trình độ tin học đại cương, đã học môn phương pháp nghiên cứu và thống kê xã hội.

- Mô tả nội dung môn học: SPSS (Statistic Package for Social Science) là một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và xử lý, phân tích thống kê chuyên nghiệp, linh hoạt, đa năng và rất mạnh so với các phần mềm có chức năng xử lý thống kê khác như: Lotus, Quattro, Excel, Stata, Epiinfo ...; nó ngày càng được sử dụng rộng rãi trong công tác nghiên cứu, xử lý, phân tích dữ liệu thông kê, đặc biệt đối việc xử lý phân tích dữ liệu của các cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi;

SPSS rất mạnh trong việc phân tích mối tương quan giữa các tiêu chí của sự vật, hiện tượng mà các phần mềm khác khó, hoặc không thực hiện được;

SPSS giúp người nghiên cứu có thể phân tích các xu hướng phát triển của hiện tượng, sự vật thông qua các số liệu thống kê từ đó đưa ra các dự báo trong nghiên cứu;

SPSS for Window thân thiện với người sử dụng, dễ dàng liên kết để lấy dữ liệu, hoặc xuất kết quả qua các phần mềm ứng dụng khác như Excel, Access.

38. Tâm lý học xã hội - Social Psychology (TLH034)

- Số tín chỉ: 03 TC (3LT); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Tâm lý học đại cương.

- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học trình bày các khái niệm cơ bản của tâm lý học xã hội, các quy luật và bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến (tri giác XH, định kiến XH, ảnh hưởng XH, liên hệ XH, thái độ XH, dư luận XH và tin đồn...). Nhóm nhỏ và các vấn đề liên quan đến nhóm nhỏ. Việc ứng dụng các tri thức này trong công tác xã hội.

39. Chính sách xã hội - Social Policy (XHH002.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (2 LT)

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Xã hội học đại cương, Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày tổng quát về chính sách xã hội: Lịch sử hình thành chính sách xã hội nói chung; sự hình thành chính sách xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ thay đổi của xã hội đến nay; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ của chính sách xã hội. Môn học cũng tìm hiểu một số các chính sách xã hội cụ thể và pháp luật trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó môn học cung cấp những ứng dụng thực tiễn của chính sách xã hội trong công tác xã hội qua an sinh xã hội/phúc lợi xã hội và các dịch vụ xã hội.

40. An sinh xã hội và các vấn đề xã hội -Social Welfare and Social Issues (CXH001.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (3LT); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: đã học những môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành công tác xã hội CTXH đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn An sinh xã hội giới thiệu khái niệm nền tảng, lý luận, nhận thức, khung lý thuyết về hệ thống & hoạt động An sinh xã hội trong một số quốc gia. Bên cạnh đó, môn học giúp tìm hiểu về hoạt động An sinh xã hội ở Việt Nam trên phương diện chính sách, khung nguyên tắc, luật pháp và nối kết với thực tế trong đời sống xã hội. Cụ thể nó chú trọng vào một số lãnh vực như hệ thống giáo dục, hoạt động y tế, an sinh xã hội cho trẻ em và gia đình, dịch vụ xã hội cho người lao động và người nghỉ hưu, người không có khả năng lao động ...

41. Các vấn đề xã hội đô thị và nông thôn- Social Problems in Urban and Rural regions (CXH002.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn CTXH, Xã hội học đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học tập trung giới thiệu về những vấn đề đang quan tâm ở xã hội đô thị (nghèo, qui hoạch, người nhập cư, hạ tầng, môi trường, các nhóm

đễ bị tổn thương ...) cũng như ở xã hội nông thôn (di dân, hạ tầng, môi trường, xung đột xã hội, các nhóm dễ bị tổn thương ...) ở Việt Nam và thế giới. Đồng thời còn tập trung giới thiệu về các giải pháp cho phát triển bền vững cho xã hội đô thị và nông thôn.

42. CXXH trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm - Social Work in the Field of Justice (CXH004)

- Số tín chỉ: 02 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò và chức năng của công tác xã hội đối với hệ thống pháp luật nói chung và Việt Nam nói riêng. Qua đó thấy rõ mối quan hệ giữa tổ chức của công tác xã hội với các tổ chức của luật pháp, giữa nhân viên công tác xã hội với nhân viên tư pháp, giữa tổ chức của công tác xã hội với hệ thống quản lý những người phạm tội, những người vi phạm pháp luật. Ngoài ra, mục tiêu môn học còn giúp sinh viên hiểu được vị trí, vai trò và phương pháp, phương thức của công tác xã hội đối với hệ thống pháp luật, hiện tượng vi phạm luật pháp và đối với các loại tội phạm.

43. CTXH trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần - Social Work in Mental Health (CXH005)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT, 1 TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Công tác xã hội đại cương, CTXH cá nhân

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của ngành tâm thần học, những quan điểm lý thuyết khác nhau về rối nhiễu tâm lý và tâm thần. Bên cạnh đó, sinh viên cần phân biệt được khái niệm tâm lý, tâm thần của con người và biết được bản chất rối nhiễu tâm lý và rối nhiễu tâm thần, những phương pháp can thiệp đối với những rối nhiễu tâm thần và tâm bệnh lý, những chiến lược dự phòng và các biện pháp hỗ trợ xã hội khác.

44. CTXH trong trường học - Social Work in the School (CXH006)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Công tác xã hội với cá nhân

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này xác định rõ hơn về đối tượng, chức năng của công tác xã hội trường học, những luận điểm lý luận thường được áp dụng trong công tác xã hội trường học. Qua đó, học phần cũng đi vào xem xét những vấn đề xã hội của trường học, từ khung cảnh cấp tiểu học đến môi trường học tập bậc đại học, cao đẳng. Kết thúc học phần, sinh viên lập được những kế hoạch thực hành và làm việc với từng nhóm đối tượng cụ thể (học sinh, gia đình, nhà trường, xã hội). Cuối cùng, học phần bàn luận việc xem xét các công cụ và phương pháp can thiệp trong công tác xã hội, và cách thức lượng giá các chương trình thực hành công tác xã hội trường học.

45. Công tác xã hội cá nhân - Social Work Practice with Individuals (CXH007)

- Số tín chỉ: 04 (4LT); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học này bao gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về: mục đích, vị trí, vai trò và nội dung của phương pháp CTXH với cá nhân, lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này, quan hệ giữa nhân viên CTXH với khách hàng (thân chủ), hiểu rõ các bước đi, nguyên tắc của phương pháp này. Quan đó, sinh viên vừa được nâng cao nhận thức, vừa được trang bị một số kỹ năng riêng của Công tác xã hội với cá nhân (với từng loại thân chủ cụ thể).

46. CTXH với các khu lao động)- Social Work in Labour Zones (CXH008)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Hành vi công người và môi trường xã hội, CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, Tổ chức và phát triển cộng đồng.

- Mô tả nội dung môn học: Môn Công tác xã hội với người lao động cung cấp kiến thức, khung lý luận, giá trị đạo đức và trách nhiệm của nhân viên xã hội khi làm CTXH với thân chủ là người lao động (người trưởng thành). Đồng thời, môn học giúp sinh viên nối kết những vấn đề nảy sinh từ việc làm và cuộc sống của thân chủ với hoạt động an sinh xã hội, để giúp thân chủ giải quyết vấn đề của cá nhân.

47. CTXH với gia đình và trẻ em - Social Work with Families and Children (CXH009.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Công tác xã hội cá nhân, CTXH nhóm

- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày những hệ thống kiến thức cơ bản trong công tác xã hội với gia đình và trẻ em. Đối tượng của học phần là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là nạn nhân của sự khủng hoảng gia đình hoặc những tác động của môi trường, điều kiện sống khiến các em không thể phát triển một cách bình thường về tâm lý, sinh lý... Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp những kiến thức về gia đình, những khó khăn, mâu thuẫn của gia đình là nguyên nhân dẫn đến sự tổn thương của trẻ em. Từ những kiến thức được trang bị về lý luận, thực tiễn, kỹ năng... sinh viên khi trở thành nhân viên xã hội sẽ có thể vận dụng để thực hiện các tiến trình nhằm can thiệp đúng lúc, kịp thời giúp giải quyết các vấn đề khó khăn mà trẻ em đang gặp phải trong gia đình.

48. CTXH với người cao tuổi - Social Work with Elderly (CXH010)

- Số tín chỉ: 02 (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội, Công tác xã hội cá nhân, Công tác xã hội nhóm

- Mô tả nội dung môn học: Học phần “Công tác xã hội với người cao tuổi” là một trong những học phần quan trọng, cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên ngành Công tác xã hội đối với một trong những đối tượng làm việc của ngành. Thông qua sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, học phần này sẽ khái quát những thông tin, nội dung, kiến thức liên quan tới người cao tuổi: khái niệm; các vấn đề người cao tuổi gặp phải (sức khỏe, tâm sinh lý,...); tổng quan tình hình và các biện pháp chăm sóc người cao tuổi trên thế giới cũng như ở Việt Nam; một số chính sách hiện hành của

Liên hiệp quốc, của Chính phủ liên quan tới người cao tuổi,... Từ những kiến thức trên, sinh viên sẽ đi vào một số hoạt động hỗ trợ về tâm lý xã hội và các dịch vụ xã hội cần thiết đối với người cao tuổi trên góc nhìn của công tác xã hội.

49. CTXH với người khuyết tật - Social Work with Disability (CXH011)

- Số tín chỉ: 2 TC (2 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Công tác xã hội cá nhân

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn trong hoạt động CTXH với người khuyết tật, nắm được các chức năng của công tác xã hội trong lĩnh vực khuyết tật. Học phần bao gồm các nội dung chính: Những vấn đề chung về người khuyết tật (khái niệm khuyết tật, hiện trạng người khuyết tật, nguyên nhân và hậu quả của khuyết tật); Các tổ chức của người khuyết tật, các văn bản pháp lý liên quan đến người khuyết tật, công tác chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người khuyết tật, công tác giáo dục cho người khuyết tật, phục hồi xã hội cho người khuyết tật và các chức năng của CTXH trong lĩnh vực khuyết tật.

50. CTXH với người nhiễm HIV/AIDS -Social Work with People with HIV/AIDS (CXH012)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: công tác xã hội đại cương, Công tác xã hội với cá nhân, Công tác xã hội với nhóm

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này bao gồm hai phần: Phần lý thuyết và phần thực hành. Phần lý thuyết giới thiệu những kiến thức cơ bản cũng như thực trạng phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam; vai trò của CTXH trong lĩnh vực HIV/AIDS, những đối tượng bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, các phương pháp, kỹ năng và nguyên tắc khi làm việc với họ. Phần thực hành, sinh viên được hướng dẫn và lựa chọn việc áp dụng một trong các phương pháp công tác xã hội (cá nhân, nhóm, phát triển cộng đồng, quản lý case) để thực hiện can thiệp cho trường hợp thân chủ, nhóm thân chủ hoặc cộng đồng có liên quan trong lĩnh vực HIV/AIDS.

51. Công tác xã hội nhóm -Social Work with Group (CXH013)

- Số tín chỉ: 4TC (4LT); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày phương pháp thứ hai trong thực hành CTXH với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của thực hành CTXH với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế,

am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên và thực hiện đúng vai trò của mình.

52. CTXH y tế - bệnh viện -Medical Social Work (CXH015)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, CTXH cá nhân, CTXH nhóm, quản lý trường hợp và sức khỏe cộng đồng.

- Mô tả nội dung môn học: Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm “sức khỏe”, “bệnh tật”, “An sinh” ..., hiểu rõ giá trị, chức năng, vai trò của ngành Công tác xã hội y tế - bệnh viện. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng chẩn đoán ban đầu, cung cấp thông tin, tham vấn, can thiệp khủng hoảng, kết nối dịch vụ hỗ trợ bệnh nhân/người nhà bệnh nhân/nhân viên y tế. Một phần quan trọng trong học phần chính là giúp sinh viên hiểu, nắm chắc kiến thức về vai trò và nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. Giúp sinh viên sẵn sàng cho vị trí như 1 thành viên trong nhóm nhân viên chăm sóc y tế.

53. Dịch vụ xã hội -Social Services (CXH016)

- Số tín chỉ: 2 TC (2 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này trình bày tổng quát về dịch vụ xã hội (DVXH): khái niệm, hệ thống cung ứng, các nguyên tắc, yêu cầu, lịch sử hình thành. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các loại hình DVXH cho gia đình, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật cũng như các loại dịch vụ xã hội trong lãnh vực sức khỏe, việc làm và pháp luật.

54. Quản lý trường hợp - Case Management (CXH023.2)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, CTXH cá nhân

- Mô tả nội dung môn học: Học phần trình bày 03 vấn đề chính: (1) Khái quát chung về quản lý trường hợp (QLTH): khái niệm, đặc điểm và triết lý, nguyên tắc của quản lý trường hợp; (2) Tiến trình quản lý trường hợp: tiếp nhận, đánh giá, lập kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch, giám sát, lượng giá và kết thúc ca; (3) Một số kỹ năng cơ bản của quản lý trường hợp như kỹ năng biện hộ, kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực, kỹ năng lưu trữ thông tin, hồ sơ thân chủ, Kỹ năng làm việc với nhóm đa ngành.

55. Quản trị ngành CTXH - Social Work Administration (CXH024)

- Số tín chỉ: 3 TC (3LT); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, công tác xã hội với cá nhân.

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Quản trị ngành công tác xã hội gồm 4 phần chính. Phần thứ nhất giới thiệu khái quát về một số khái niệm liên quan, các nguyên tắc quản trị và đặc điểm của nhà quản trị. Phần thứ hai trình bày một số chức năng của quản trị, bao gồm xây dựng tổ chức, quản lý và phát triển nhân sự; ra quyết định; lập kế hoạch chiến lược; gây quỹ và quản lý ngân sách; xây dựng quan hệ, liên kết và hợp tác. Phần ba tập trung vào một số kỹ năng cần thiết cho nhà quản trị công tác xã hội như kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn, quản lý thời gian,

điều hành cuộc họp, thương thuyết. Phần cuối nêu ra một số vấn đề và thách thức đối với việc quản trị công tác xã hội tại Việt nam

56. Tham vấn – Psychology Counseling (CXH028)

- Số tín chỉ: 4 TC (4LT); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Học xong các môn Công tác xã hội đại cương, Tâm lý học đại cương, Tâm lý học xã hội, Công tác xã hội cá nhân.

- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học trình bày các khái niệm cơ bản trong tham vấn (TV), mục đích, ý nghĩa của TV trong thực hành công tác xã hội; Các nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng TV; các mô hình TV cá nhân & nhóm; các học thuyết tâm lý nhân cách được sử dụng trong TV.

57. Tiếng Anh chuyên ngành I - English for Social work 1 (CXH035)

- Số tín chỉ: 2TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương

- Học phần này cung cấp cho người học một số lượng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội thông dụng và cách thức sử dụng chúng. Qua học phần này, người học có thể rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh các chủ đề liên quan đến khái niệm, nguyên tắc, quy điều đạo đức và các phương pháp công tác xã hội mà họ đã học trong môn công tác xã hội đại cương.

58. Tiếng Anh chuyên ngành II- English for Social work 2 (CXH036)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Tiếng Anh Chuyên Ngành I

- Mô tả nội dung môn học: Học phần này cung cấp cho người học một số lượng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội thông dụng và cách thức sử dụng chúng. Qua học phần này, người học có thể rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh với các chủ đề liên quan công tác xã hội trong trường học, công tác xã hội với người khuyết tật, công tác xã hội trong lãnh vực pháp lý và tội phạm, và công tác xã hội với người cao tuổi.

59. Tổ chức và phát triển cộng đồng -- Community Organizing and Development (CXH039)

- Số tín chỉ: 04 (4LT); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Nhập môn Phát triển cộng đồng

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Tổ chức cộng đồng gồm 3 phần chính. Phần thứ nhất trình bày những cơ sở nền tảng của tổ chức cộng đồng, bao gồm các khái niệm cơ bản, những lý thuyết ứng dụng và thuật tổ chức. Đồng thời, phần này cũng chỉ rõ cách thức thành lập và phát triển một tổ chức của cộng đồng từ khởi sự cho đến hoạt động bền vững. Phần thứ hai đưa ra những phương cách giúp tăng năng lực tổ chức và vận động mọi tài nguyên bên trong và bên ngoài cộng đồng. Phần cuối cùng tập trung phân tích những chiến lược, những mô hình tổ chức cộng đồng truyền thống và hiện đại đã được nhiều nơi trên thế giới áp dụng. Qua việc phân tích này, phần ba cũng nêu lên những chỉ dẫn cần thiết để việc thực hiện các chiến lược tổ chức đem lại những thay đổi tích cực cho cộng đồng.

60. Phát triển kinh tế cộng đồng- Community economic development (CXH045)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Phát triển kinh tế cộng đồng gồm 3 phần chính. Phần thứ nhất với tiêu đề “Cộng đồng – đối tượng hưởng lợi của phát triển kinh tế” xem phát triển kinh tế cộng đồng là một nhu cầu của người dân. Trong đó, tri thức bản địa được xem như tài sản của cộng đồng và nền thương mại bản địa được xem như một nỗ lực góp phần giảm nhập siêu và nâng cao tính tự lực của cộng đồng. Phần “Cộng đồng – tác nhân của phát triển kinh tế” trình bày vai trò của các tổ chức khác nhau trong việc tạo nên sự phát triển kinh tế của cộng đồng. Phần “Cơ sở của phát triển kinh tế cộng đồng” phân tích rõ sự vận hành của hệ thống kinh tế. Đồng thời, phần này cũng mô tả một số mô hình phát triển kinh tế kiểu mẫu cùng với các bước thực hiện phát triển kinh tế cộng đồng

61. Quản lý môi trường và tài nguyên dựa vào cộng đồng -Community-based resource and environment management (CXH046.1)

- Số tín chỉ: 3 (3LT); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Tổ chức và phát triển cộng đồng

- Mô tả nội dung môn học: Nội dung gồm 3 chương: chương 1 giới thiệu tổng quan về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đó nhấn mạnh một số nguyên nhân gây ra các vấn đề về môi trường, những thách thức và nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Chương 2 đi vào từng loại Môi trường/Tài nguyên thiên nhiên cụ thể và mối quan hệ với cộng đồng. Chương 3 trình bày cơ sở lý luận, thực tiễn, các bước trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng và điều kiện để thực hiện

62. Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng- Community-based disaster management (CXH047)

- Số tín chỉ: 3 TC (3LT); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Tổ chức và phát triển cộng đồng, Thiết kế và Xây dựng quản lý dự án

- Mô tả nội dung môn học: Học phần gồm 4 chương: Chương thứ nhất trình bày một cách tổng quan về các khái niệm có liên quan; về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và các nguyên tắc thực hiện; về thiên tai và một số giải pháp cơ bản giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam; Luật phòng chống thiên tai của Việt Nam và một số nước. Chương hai trình bày một số mô hình quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng của các tổ chức CARE, OXFAM và World Vision. Chương ba giới thiệu một số lý thuyết ứng dụng trong quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Chương bốn đi vào các bước cụ thể trong tiến trình quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, từ bước chuẩn bị kế hoạch thực hiện đến đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai; giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng.

63. Thực hành phát triển cộng đồng - Community development Practice (CXH048)

- Số tín chỉ: 3 TC (2LT, 1T); 60 tiết.
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội đại cương, Phát triển cộng đồng
- Mô tả nội dung môn học: Sinh viên thực tập tại một địa bàn đô thị hoặc nông thôn, sinh viên tiếp xúc chính quyền và cộng đồng để cùng xây dựng và triển khai một dự án phù hợp. thông qua đó, sinh viên nhận thức rõ hơn dự án là sự can thiệp một cách có kế hoạch nhằm đạt một hay một số mục tiêu qua việc hoàn thành chỉ báo thực hiện đã định trước tại một địa bàn, trong khoảng thời gian nhất định, có huy động tham gia thật sự của những tác nhân và tổ chức cụ thể.

64. Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) - Social Work with LGBT's People (CXH048.1)

- Số tín chỉ: 02 TC (2LT); 30 tiết.
- Điều kiện tiên quyết: Giới và phát triển, tham vấn, CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Tổ chức và phát triển cộng đồng
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) để làm nền tảng cho quá trình tác nghiệp với thân chủ là người đồng tính, song tính và chuyển giới. Đồng thời sinh viên nắm được những nội dung, hoạt động, dịch vụ, phương pháp trợ giúp cho những thân chủ là người LGBT. Từ những kiến thức được trang bị về lý luận, thực tiễn, kỹ năng... sinh viên khi trở thành nhân viên xã hội sẽ có thể vận dụng được những kiến thức cơ bản để thực hiện các tiến trình nhằm can thiệp đúng lúc, kịp thời đối với thân chủ là người đồng tính, song tính và chuyển giới.

65. Tổ chức cộng đồng - Community Organizing (CXH049)

- Số tín chỉ: 03 TC (3LT); 45 tiết.
- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Nhập môn Phát triển cộng đồng
- Mô tả nội dung môn học: Học phần Tổ chức cộng đồng gồm 3 phần chính. Phần thứ nhất trình bày những cơ sở nền tảng của tổ chức cộng đồng, bao gồm các khái niệm cơ bản, những lý thuyết ứng dụng và thuật ngữ. Đồng thời, phần này cũng chỉ rõ cách thức thành lập và phát triển một tổ chức của cộng đồng từ khởi sự cho đến hoạt động bền vững. Phần thứ hai đưa ra những phương cách giúp tăng năng lực tổ chức và vận động mọi tài nguyên bên trong và bên ngoài cộng đồng. Phần cuối cùng tập trung phân tích những chiến lược, những mô hình tổ chức cộng đồng truyền thống và hiện đại đã được nhiều nơi trên thế giới áp dụng. Qua việc phân tích này, phần ba cũng nêu lên những chỉ dẫn cần thiết để việc thực hiện các chiến lược tổ chức đem lại những thay đổi tích cực cho cộng đồng.

66. Thiết kế và quản lý dự án CTXH -Project Design and Management (CXH049.1)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.
- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương,
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày những hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác xã hội với thiết kế và quản lý dự án công tác xã hội nói riêng và dự án phát triển nói chung. Đối tượng của học phần là các dự án phát triển và các dự án

CTXH nói riêng, cách thiết kế và quản lý các dự án. Từ những kiến thức được trang bị về lý luận, thực tiễn, phương pháp, kỹ thuật/kỹ năng... sinh viên khi trở thành nhân viên xã hội sẽ có thể vận dụng để thực hiện các tiến trình, các bước để chuẩn bị và thiết kế dự án. Trong đó, mục tiêu chính và nhiệm vụ trọng tâm của môn học này là nhằm đào tạo nhân viên xã hội tương lai mà sinh viên sẽ trở thành có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, biết cách viết nên một bản đề xuất dự án CTXH để được cơ quan/nhà tài trợ phê duyệt, nhằm có được các dự án CTXH đem lại các tác động và thay đổi tích cực cho các cá nhân, cộng đồng, hầu tạo sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, tiến bộ, phù hợp với các giá trị và chuẩn mực của ngành CTXH.

67. Tham vấn 2 – Psychological Counseling 2 (XH053)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Học xong các môn Công tác xã hội đại cương, Công tác xã hội cá nhân, Tham vấn.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung: Các yêu cầu về đạo đức, động cơ, nguyên tắc nghề nghiệp trong tham vấn, các mô hình tham vấn, tiến trình tham vấn, thực hành các kỹ năng tham vấn căn bản.

68. Chính sách phát triển kinh tế xã hội - Economic and Social Development Policy (CXH053.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (02LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: công tác xã hội đại cương, Đường lối cách mạng Việt Nam

- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm các mảng kiến thức cơ bản sau: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết khái quát về chính sách kinh tế và chính sách xã hội, về quan hệ giữa việc phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội và quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam - cơ cấu và xu thế phát triển; giới thiệu những chính sách kinh tế và chính sách xã hội chủ yếu của Việt Nam, cùng hiệu quả thực hiện các chính sách trong các giai đoạn phát triển, đặc biệt giai đoạn đổi mới hội nhập hiện nay như: Chính sách tiền tệ, chính sách thương mại, đầu tư, chính sách lao động, việc làm, chính sách giáo dục đào tạo...

Giới thiệu cho sinh viên những kết quả cụ thể của việc kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ở nước ta, cùng những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách đặt ra hiện nay đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của cả nước để giải quyết.

69. Phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số -Development of Minority Communities (CXH054)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và phát triển cộng đồng

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về tộc người và những nét văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số Việt Nam, những nguyên tắc khi làm việc với cộng đồng cũng như những mô hình hiệu quả cho phát triển dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

70. Thực hành tham vấn tâm lý -Practice psychological counseling (CXH055)

- Số tín chỉ: 3 TC (2LT,1TH); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Học xong các môn Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học xã hội, Công tác xã hội đại cương, Công tác xã hội cá nhân, Tham vấn.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung: Củng cố các kiến thức tổng quát về tham vấn; Tiến trình một ca tham vấn; Lập hồ sơ; Quy trình đánh giá một ca tham vấn; Cách sử dụng các trắc nghiệm trong tham vấn; Các hình thức tham vấn; Các lĩnh vực tham vấn (Tham vấn HIV; Tham vấn về bạo hành trong gia đình; Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng, ngược đãi, lao động sớm...).

71. Tham vấn thanh thiếu niên - Counselling for Adolescent (CXH056)

- Số tín chỉ: 2TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Tham vấn, Công tác xã hội cá nhân và Tâm lý học phát triển.

- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học gồm 3 phần: Những đặc điểm cơ bản của tuổi thanh thiếu niên; Tham vấn cho thanh thiếu niên – Các chiến lược và kỹ năng cơ bản; Thực hành tham vấn chủ động – Các trường hợp điển hình.

72. Tham vấn cho người khuyết tật - Career Counseling for Individuals with Disabilities (CXH057)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: TLH Đại cương, Hành vi con người và MTXH, Tham vấn

- Mô tả nội dung môn học: Học phần trang bị kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của những người khuyết tật, các dạng khuyết tật, những nhu cầu cơ bản của người khuyết tật, các kỹ năng và phương pháp tham vấn khi hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội của người khuyết tật.

73. Tham vấn hướng nghiệp - Career Counseling (CXH058)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, TLH phát triển và Tham vấn

- Mô tả nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về tầm quan trọng của việc hướng nghiệp và chọn nghề của cá nhân trong xã hội, kiến thức và kỹ năng phân loại các nghề nghiệp khác nhau, các cơ sở tâm lý- xã hội của việc lựa chọn nghề nghiệp, cách thức sử dụng một số trắc nghiệm tiêu chuẩn nhằm đo lường khả năng của thân chủ, kỹ năng tham vấn giúp thân chủ lựa chọn nghề phù hợp với năng lực và điều kiện hiện có.

74. Phát triển cộng đồng ở Việt Nam - Community development in Vietnam (CXH059)

- Số tín chỉ: 3 TC (2LT, 1TH); 60 tiết.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học hệ thống cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiến trình/diễn biến phát triển của đất nước Việt Nam và về tình hình phát triển cộng đồng ở Việt Nam. Học phần gồm 5 phần: phần thứ nhất giới thiệu sơ lược lịch sử Việt Nam từ thời lập nước cho đến nay; phần thứ hai tập trung phân tích những bản sắc văn hóa, phong tục và

con người Việt Nam; phần thứ ba nhấn mạnh đến việc tổ chức xã hội Việt Nam xưa và nay; phần thứ tư hệ thống lại toàn cảnh tình hình tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của Việt Nam từ sau khi thống nhất đất nước và phần thứ năm trình bày mô hình phát triển cộng đồng tại Việt Nam.

75. Khoa học chẩn đoán tâm lý - Psychological assessment (CXH060)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, TLH phát triển, TLH xã hội, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội

- Mô tả nội dung môn học: Chỉ ra những quan điểm cơ bản về lý luận và thực hành chẩn đoán tâm lý người. Giới thiệu các trắc nghiệm cơ bản để chẩn đoán trí tuệ, năng lực, nhân cách và chẩn đoán tâm bệnh. Vận dụng các trắc nghiệm đã được thích nghi của thế giới vào Việt Nam. Xây dựng và rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, chẩn đoán tâm lý phù hợp với người Việt Nam.

76. Tâm bệnh học - Psychopathology (CXH061)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Hành vi con người và MTXH

- Mô tả nội dung môn học: Học phần tâm bệnh học trong CTXH không cung cấp những kiến thức và kỹ năng can thiệp lâm sàng chuyên sâu mà sẽ tập trung vào việc giúp cho người học nhận diện được loại bệnh tâm thần (rối loạn lo âu, rối loạn tâm trạng, rối loạn nhân cách, rối loạn ở trẻ em, người già, rối loạn ăn uống và ngủ...) và nguyên nhân gây bệnh (những nhân tố sinh học, tâm lý học và văn hóa - xã hội). Từ đó người học có thể áp dụng vào quá trình tham vấn, chăm sóc người bệnh cũng như giúp họ hòa nhập vào cuộc sống. Bên cạnh đó, người học cũng có thể chẩn đoán, đánh giá quá trình trị liệu để xem quá trình trị liệu can thiệp có giúp cho thân chủ duy trì được sức khỏe và nhu cầu của họ hay không.

77. Tham vấn học đường -School Counseling (CXH062)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tham vấn, Công tác xã hội cá nhân, Tham vấn thanh thiếu niên và Tâm lý học phát triển.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng tham vấn trong môi trường học đường; Hỗ trợ trẻ em – thanh thiếu niên nâng cao nhận thức, động cơ học tập và giải quyết các khó khăn trong học tập; Tìm hiểu hành vi, cảm xúc và giao tiếp xã hội của học sinh trong môi trường học đường, gia đình và cộng đồng để có biện pháp giúp các em vượt qua những rắc rối về tình cảm cá nhân và tương tác xã hội.

78. Quản lý Stress với nhân viên Công tác xã hội- Stress Management for Social Workers (CXH022)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Tâm lý học xã hội

- Mô tả nội dung môn học:

Học phần quản lý stress đối với nhân viên xã hội cung cấp những kiến thức căn bản về stress và những cách thức ứng phó với những căng thẳng thường gặp cho sinh viên và nhân viên xã hội bán chuyên để họ có thể chủ động đề phòng và quản lý stress, gia tăng sức khỏe về thể chất lẫn tinh thần, tạo ra những tương quan có phẩm chất và tăng cường hiệu quả trong công việc.

79. Thực hành hỗ trợ Nâng cao năng lực CD 1- Practical support community capacity building 1 (CXH031.1)

- Số tín chỉ: 02 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Hai học phần Thực hành hỗ trợ nâng cao năng lực cộng đồng gồm phần (1) Cơ sở lý luận và kiến thức nền và phần (2) Một số kỹ năng chuyên nghiệp. Phần lý thuyết nêu bật giá trị và tầm quan trọng của công tác Giáo dục cộng đồng cũng như phẩm chất và vai trò của người làm công tác giáo dục cộng đồng. Phần này cũng giới thiệu sơ lược về tâm lý lứa tuổi với điểm nhấn là đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Trong phần kỹ năng, sinh viên được hướng dẫn cách thức giao tiếp, tổ chức sinh hoạt tập thể, tập huấn kỹ năng, làm việc nhóm và giải quyết bất đồng. Bên cạnh đó, sinh viên cũng trau dồi kỹ năng lên kế hoạch, viết nhật ký thực tập và viết báo cáo

80. Tư duy phản biện - Critical thinking (CXH037.1)

- Số tín chỉ: 2 TC (1LT,1TH); 45 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học xã hội; Tâm lý học phát triển; Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Tư duy phản biện hay còn gọi là Critical Thinking, đề cập đến khả năng suy nghĩ rõ ràng và có lập luận đúng đắn về niềm tin mà bạn tin hay những gì mà bạn đang làm. Nó bao gồm khả năng vận dụng suy nghĩ độc lập (independent thinking) và suy nghĩ phản chiếu (reflective thinking).

81. Kỹ năng truyền thông và giao tiếp - Communication skills (XHH043)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học xã hội; Tâm lý học phát triển; Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung được trình bày trong 4 chương: Chương 1 - Truyền thông và Giao tiếp; Vai trò của giao tiếp; Các loại giao tiếp; Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp. Chương 2 - Các nhu cầu cơ bản của con người; Khái niệm bản thân; Các cơ chế phòng vệ của cái Tôi. Chương 3 - Giao tiếp không lời và có lời. Chương 4 - Các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

82. Giao tiếp và lễ tân đối ngoại -The art of etiquette (DUL014)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Khoa học giao tiếp.

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các vấn đề về giao tiếp thường thức và những hoạt động mang tính chất lễ tân trong công tác đối ngoại cùng với những hiểu biết và kỹ năng thực hành thiết yếu các vấn đề có liên quan

83. Nhập môn quan hệ công chúng -Public Relations (DAI041)

- Số tín chỉ: 2 TC (2LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học xã hội; Tâm lý học phát triển; Công tác xã hội đại cương

- Mô tả nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung được trình bày trong 4 chương: Chương 1 - Truyền thông và Giao tiếp; Vai trò của giao tiếp; Các loại giao tiếp; Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp. Chương 2 - Các nhu cầu cơ bản của con người; Khái niệm bản thân; Các cơ chế phòng vệ của cái Tôi. Chương 3 - Giao tiếp không lời và có lời. Chương 4 - Các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

84. Nghiệp vụ thư ký văn phòng- Secretarial Skills (DAI044)

- Số tín chỉ: 2 TC (02 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các môn đại cương cơ bản và cơ sở ngành của chuyên ngành lưu trữ học – quản trị văn phòng

- Mô tả nội dung môn học:

+ Những kiến thức cơ bản về nghề thư ký, người thư ký

+ Các nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết của nghề thư ký văn phòng để hoàn thành nhiệm vụ của mình như: sắp xếp lịch làm việc, sắp chuyến đi công tác của cơ quan và người lãnh đạo; sắp xếp hồ sơ tài liệu trong văn phòng, cơ quan; phục vụ các cuộc họp của cơ quan; giao tiếp ứng xử văn phòng...

85. Đại cương khoa học quản lý - General scientific management (GDH004)

- Số tín chỉ: 2 TC (02 LT); 30 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về Triết học, Lịch sử văn minh, Tâm lý học Đại cương, GDH đại cương.

- Mô tả vấn đề nội dung môn học Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý và sự cần thiết của hoạt động quản lý theo khoa học. Nội dung môn học bao gồm những tri thức về khái niệm, chức năng, nguyên tắc, phương pháp quản lý; đối tượng, nhiệm vụ và vai trò của khoa học quản lý trong thực tiễn; những vấn đề lý luận về thông tin trong quản lý, cơ cấu tổ chức quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý và những vấn đề về công tác cán bộ.

86. Thực tập I (Học tập dựa vào cộng đồng) -Practicum I (Community Service learning) (CXH050)

- Số tín chỉ: 02 TC (2TH); 60 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: CTXH đại cương, Thực hành Hỗ trợ nâng cao năng lực Cộng Đồng I

- Mô tả nội dung môn học: Học phần Thực tập I nhằm giúp người học có cơ hội thâm nhập thực tế, rèn luyện kỹ năng và bước đầu làm quen thực hành hỗ trợ cộng đồng thông qua việc tiếp xúc và sinh hoạt tại một số cơ sở xã hội; được tạo điều kiện phát triển tác phong chuyên nghiệp trong lãnh vực công tác xã hội/ phát triển cộng đồng/

tham vấn công tác xã hội. Với học phần này người học được làm việc tại các cơ sở xã hội. Nơi đây, họ hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ cho cơ sở và các đối tượng tại cơ sở.

87. Thực tập II (Thực tập phát triển cộng đồng)- Practicum II (Community development Practicum) (CXH051)

- Số tín chỉ: 3 TC (3TH); 90 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương, Thực tập I, Tổ chức và phát triển cộng đồng

- Mô tả nội dung môn học: Sinh viên được tạo điều kiện để làm việc tại một địa bàn nông thôn cần phát triển. Sinh viên vận dụng lý thuyết đã học để tìm hiểu tình hình thực tế, có cái nhìn tổng quan về cộng đồng: địa lý, dân số, xã hội, tài nguyên, hạ tầng cơ sở, các mặt mạnh mặt yếu, tiềm năng của cộng đồng, các vấn đề và nhu cầu cộng đồng hiện nay, mạng lưới hỗ trợ, cơ cấu lấy quyết định... Từ những nghiên cứu về cộng đồng, sinh viên xây dựng một đề án khả thi áp dụng phương pháp phát triển cộng đồng

88. Thực tập III (Thực tập với cá nhân và nhóm)- Practicum III (Working with individuals and groups) (CXH030.0)

- Số tín chỉ: 3 TC (03TH); 90 tiết.

- Điều kiện tiên quyết:

+ Các môn thuộc Khối kiến thức ngành chính bắt buộc: Công tác xã hội đại cương, CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Tham vấn, Lý thuyết CTXH

+ Ít nhất 1/3 số môn kiến thức chuyên sâu ngành chính bắt buộc

-Mô tả nội dung môn học:

Học phần thực tập III đặt sinh viên thực tập tại các cơ sở xã hội, các trung tâm, tổ chức phi chính phủ, trường học, bệnh viện, cộng đồng dân cư... (gọi tắt là cơ sở thực tập) trong suốt 3 tháng của học kỳ. Trong môi trường đó, sinh viên được yêu cầu thể hiện các kỹ năng, kiến thức và thái độ phù hợp với chuyên ngành đã học vào những đối tượng và nhóm đối tượng cụ thể.

89. Thực tập tốt nghiệp (Thực tập nghề) -Professional practicum (CXH030.2)

- Số tín chỉ: 8 TC (8TH); 240 tiết.

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các môn học thuộc kiến thức ngành chính

- Mô tả nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp được xem là môn cuối cùng của bậc đào tạo cử nhân công tác xã hội. Ở học phần này, sinh viên được tạo cơ hội trong cả học kỳ để vận dụng những kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được học vào thực hành trong một môi trường chuyên nghiệp. Đặc biệt, môn này tập trung vào những hỗ trợ cụ thể giúp tăng quyền và nâng cao chất lượng sống cho cá nhân, nhóm và cộng đồng theo quan điểm dựa vào điểm mạnh của công tác xã hội.



Phạm Tấn Hạ

TRƯỞNG KHOA

TS. Huỳnh Văn Chấn